TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/DS - ST
Ngày: 08-8-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thúy Hà; 2. Ông Danh On

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Quy – Thẩm phán Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 57/2023/TLST–DS, ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST–DS, ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Ngọc H, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp Th, thị trấn Ng, huyện H, tỉnh B.

2. Bị đơn: Ông Phan Minh T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Ng, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lưu Thị Ngọc H là nguyên đơn trình bày:

Theo lời giới thiệu của ông Từ Quốc Sở, ông Phan Minh T gặp và vay của bà Lưu Thị Ngọc H số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 28/5/2022 âm lịch (nhằm ngày 26/6/2022 dương lịch), lãi suất 1%/tháng, giao dịch được Tân tự viết biên nhận và ký tên. Từ khi vay tiền đến nay ông T không trả tiền gốc và lãi cho bà H, dù bà H đòi nhiều lần mà ông T hứa hẹn ngày trả nhưng không thực hiện. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xem xét, giải quyết buộc ông T trả ông số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1%/tháng. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Phan Minh T không đến Tòa án, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đến Tòa án dù Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của ông T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Lưu Thị Ngọc H.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa được tóm tắt như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng và tiền lãi từ khi vay đến ngày xét xử với lãi suất 0,83%/tháng. Về án phí, bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lưu Thị Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Phan Minh T đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà H và ông T; Về thẩm quyền giải quyết: Ông T thường trú tại ấp Nội Ô, thị trấn Ng, huyện H, tỉnh B nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; Về quan hệ pháp luật: Bà H yêu cầu ông T trả lại tiền vay nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn yêu cầu ông T trả số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi từ khi vay đến ngày xét xử với lãi suất 1%/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông T được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử,… nhưng ông vẫn không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào để phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bà H cung cấp cho Tòa án bản sao biên nhận tiền đề ngày 28/5/2022 âm lịch. Nội dung biên nhận thể hiện ông T có nhận của bà H 20.000.000 đồng vào ngày 28/5/2022 âm lịch. Quá trình giải quyết vụ án, nhân chứng ông Từ Quốc Sở xác định: Ông có giới thiệu bà H với ông T (cho số điện thoại của bà H cho Tân) để Tân liên hệ với bà H vay tiền. Tân có vay tiền của bà H được hay không ông không biết. Xét thấy, lời khai của ông Sở phù hợp với lời khai của bà H và biên nhận tiền đề ngày 28/5/2022 âm lịch mà bà H cung cấp, cũng như sự im lặng của ông T không phản bác yêu cầu khởi kiện của bà H là đủ cơ sở xác định ông T có vay tiền của bà H. Giao dịch vay tiền giữa bà H với ông T là phù hợp theo quy định pháp luật tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản. Do đó, việc bà H yêu cầu ông T trả số tiền vay gốc 20.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Bà H yêu cầu ông T trả tiền lãi từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng. Xét thấy, về thời hạn trả tiền lãi (từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm) bà H đã yêu cầu là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Về lãi suất, bà H cho rằng có thỏa thuận với ông T về lãi suất vay là 1%/tháng nhưng bà không có chứng cứ chứng minh nên không đủ cơ sở chấp nhận nhưng căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự buộc ông T trả tiền lãi với lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Như vậy, ông T phải trả bà H số tiền lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là: 20.000.000^{đ} x 0,83% x 13 tháng 13 ngày = 2.229.929 đồng.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí sơ thẩm là 1.111.496 đồng; bà H được miễn nộp tiền án phí nên đối với phần yêu cầu về tiền lãi không được chấp nhận bà không phải nộp tiền án phí.

[5] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Ngọc H. Buộc ông Phan Minh T trả cho bà Lưu Thị Ngọc H số tiền 22.229.929 đồng (nợ gốc 20.000.000 đồng, lãi 2.229.929 đồng). Không chấp nhận yêu cầu của bà H đòi ông T trả tiền lãi với lãi suất 1%/tháng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc ông Phan Minh T nộp 1.111.496 đồng. Bà Lưu Thị Ngọc H được miễn nộp tiền án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA